

Thực trạng phát triển chương trình tiên học đường cho trẻ khuyết tật nhìn Việt Nam

Trần Thị Văng¹, Phạm Minh Mục²,
Trịnh Thị Thu Thanh³, Nguyễn Thị Hằng⁴

¹ Email: vangtt@vnies.edu.vn

² Email: mucpm@vnies.edu.vn

³ Email: thanhttt@vnies.edu.vn

⁴ Email: hangnt@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
52 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Bài viết tập trung nghiên cứu thực trạng phát triển chương trình tiên học đường cho trẻ khuyết tật nhìn chuẩn bị vào lớp 1 tại một số trường hòa nhập và chuyên biệt của một số tỉnh/thành. Các phát hiện chính liên quan đến: 1) Kỹ năng tiên học đường của trẻ khuyết tật nhìn hiện nay bao gồm các nhóm kỹ năng: Kỹ năng tiên đọc - tiên viết - tiên tính toán; Kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội; Kỹ năng lao động tự phục vụ; Kỹ năng định hướng di chuyển; Kỹ năng sử dụng đa giác quan; Kỹ năng sử dụng thiết bị hỗ trợ; 2) Thực trạng phát triển chương trình tiên học đường với các vấn đề: Căn cứ phát triển chương trình, nội dung chương trình, triển khai, đánh giá và các yếu tố ảnh hưởng. Các nội dung trên được khảo sát thông qua việc sử dụng phiếu đánh giá kỹ năng tiên học đường dành cho trẻ và phiếu hỏi dành cho cán bộ quản lý, giáo viên. Đánh giá thực trạng chỉ ra rằng chương trình tiên học đường đã đang thực hiện nhưng chưa có một định hướng chung, các trường xây dựng chương trình một cách tự phát dựa trên chương trình mầm non hoặc chương trình tiểu học do đó, việc cần thiết phải phát triển một khung chương trình tiên học đường để giáo viên có định hướng phát triển chương trình nhà trường và xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp giúp trẻ chuẩn bị vào lớp một hiệu quả.

TỪ KHÓA: Chương trình tiên học đường, khuyết tật nhìn, trẻ khuyết tật nhìn, thực trạng phát triển chương trình.

→ Nhận bài 05/10/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 20/10/2021 → Duyệt đăng 05/11/2021.

1. Đặt vấn đề

Trẻ khuyết tật nói chung, trẻ khuyết tật nhìn nói riêng sẽ gặp nhiều khó khăn khi tham gia học hòa nhập, đặc biệt là giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học. Khuyết tật nhìn là một trong sáu dạng khuyết tật được quy định tại Luật Người khuyết tật 2010. Nghị định 28/2012/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật đã đưa ra khái niệm: Khuyết tật nhìn là tình trạng giảm hoặc mất khả năng nhìn và cảm nhận ánh sáng, màu sắc, hình ảnh, sự vật trong điều kiện ánh sáng và môi trường bình thường.

Theo Tổng Điều tra Dân số (2009), Việt Nam có khoảng 1.329.000 trẻ em khuyết tật: 12,43% trẻ khiếm thính; 13,73% trẻ khiếm thị; 28,36% trẻ khuyết tật trí tuệ; 12,57% trẻ khuyết tật ngôn ngữ; 19,25% trẻ em bị suy giảm khả năng vận động và 13,66% trẻ đa tật và trẻ khuyết tật khác. Theo Báo cáo Điều tra Quốc gia về Người khuyết tật năm 2016 do Tổng cục Thống kê công bố năm 2018, có sự chênh lệch của tỉ lệ đi học ở trẻ em khuyết tật và trẻ em không khuyết tật ở cấp Tiểu học. Tỉ lệ đi học đúng tuổi cấp Tiểu học của trẻ khuyết tật là 81,69% so với tỉ lệ này của trẻ không khuyết tật là 96,05%. Tỉ lệ đi học chung cấp Tiểu học của trẻ khuyết

tật là 88,41% so với tỉ lệ này của trẻ không khuyết tật là 100,85%. Khoảng cách giữa tỉ lệ nhập học đúng tuổi và tỉ lệ đi học chung của trẻ khuyết tật lớn hơn của trẻ không khuyết tật.

Việc xây dựng chương trình giáo dục tiên học đường giúp trẻ được chuẩn bị kỹ lưỡng về kỹ năng học tập cũng như về kỹ năng học đường sẽ giúp trẻ được làm quen, được trải nghiệm những môn học như ở trường tiểu học nhưng kiến thức được học lại là những tri thức tiền khoa học và những kỹ năng học đường (ngồi đúng tư thế và đúng chỗ, giơ tay xin phép, hoàn thành bài tập được giao,...) như ở môi trường tiểu học. Đây sẽ là bước chuyển tiếp quan trọng giúp trẻ không bị bỡ ngỡ, dễ thích ứng với môi trường mới. Hiện nay, cũng đã có những chương trình giáo dục tiên học đường cho trẻ chuẩn bị vào lớp một, tuy nhiên giáo viên (GV) gặp rất nhiều khó khăn khi áp dụng các chương trình đó cho trẻ khuyết tật nhìn. Việc khảo sát đánh giá các chương trình đang thực hiện sẽ là cơ sở đề xuất một khung chương trình tiên học đường cho trẻ khuyết tật nhìn chuẩn bị vào lớp một hòa nhập để các cơ sở giáo dục, GV có định hướng trong việc thiết kế chương trình chi tiết và chương trình giáo dục cá nhân phù hợp với từng trẻ khuyết tật nhìn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Giới thiệu chung về khảo sát thực trạng

2.1.1. Mục đích khảo sát

Khảo sát nhằm đánh giá thực trạng phát triển chương trình tiên học đường dành cho trẻ khuyết tật nhìn nhằm làm căn cứ thực tiễn cho việc đề xuất chương trình tiên học đường dành cho trẻ khuyết tật nhìn chuẩn bị vào lớp 1 ở Việt Nam.

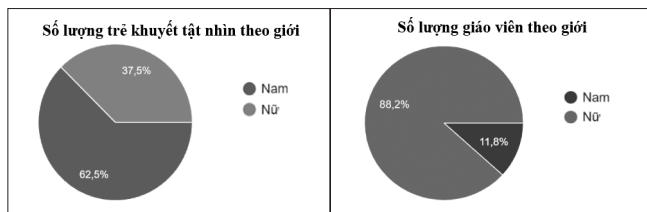
2.1.2. Nội dung, công cụ khảo sát

Hai nội dung chính được thực hiện: 1/ Thực trạng về kĩ năng tiên học đường của trẻ khuyết tật nhìn chuẩn bị vào lớp 1; 2/ Thực trạng thực hiện chương trình kĩ năng tiên học đường cho trẻ khuyết tật nhìn chuẩn bị vào lớp 1.

Công cụ thực hiện: 1) Bảng đánh giá kĩ năng tiên học đường với 6 nhóm kĩ năng bao gồm 40 kĩ năng về: Kĩ năng tiên đọc - viết - tính toán; Kĩ năng giao tiếp và tương tác xã hội; Kĩ năng lao động tự phục vụ; Kĩ năng định hướng di chuyển; Kĩ năng sử dụng đa giác quan; Kĩ năng sử dụng thiết bị hỗ trợ. Các kĩ năng được đo ở 3 mức: Mức 1: trẻ không thực hiện được (1 điểm), mức 2: trẻ thực hiện được có sự trợ giúp (2 điểm) và mức 3: trẻ thực hiện được độc lập (3 điểm). 2) Bảng hỏi GV về thực hiện chương trình tiên học đường tại cơ sở giáo dục với các nội dung: Nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, đánh giá, các yếu tố ảnh hưởng trong quá trình thực hiện chương trình tiên học đường.

2.1.3. Đối tượng và địa bàn khảo sát

Khảo sát được tiến hành tại 06 cơ sở giáo dục hòa nhập và chuyên biệt tại Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai. Đối tượng tham gia khảo sát: 40 trẻ khuyết tật nhìn chuẩn bị vào lớp 1 và 34 cán bộ quản lí và GV tại 06 cơ sở giáo dục (xem Biểu đồ 1).



Biểu đồ 1: Giới tính của đối tượng tham gia khảo sát

Trong 40 trẻ khuyết tật nhìn tham gia khảo sát có: 13 trẻ (32,5%) là trẻ nhìn rất kém, học chữ nổi; 6 trẻ (15%) trẻ nhìn kém, học chữ sáng và 21 trẻ (52,5%) là trẻ mù hoàn toàn và học chữ nổi. Đồng thời, kết quả khảo sát cũng ra số lượng trẻ khuyết tật nhìn được can thiệp sớm và chưa được can thiệp sớm khá tương đương nhau, tỉ lệ lần lượt là 52,5% và 47,5%.

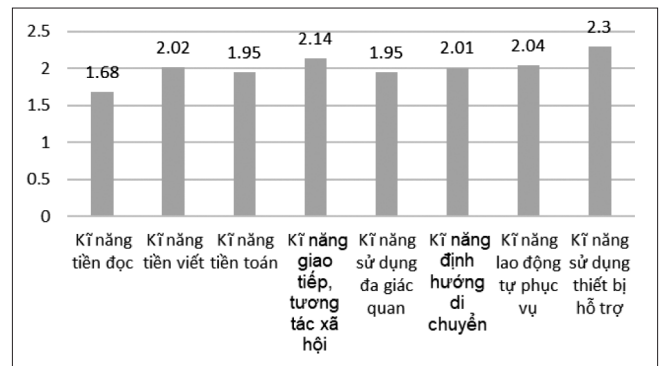
Trong 34 GV tham gia khảo sát, chủ yếu là GV tiểu

học (55,9%), còn lại là GV can thiệp (17,6%), GV mầm non (14,7%), GV đi kèm (2,9%) và một số GV khác (GV thể chất, GV dạy chuyên về khuyết tật nhìn,...). Các GV tham gia khảo sát đều có kinh nghiệm từ 3 năm trở lên, trong đó, nhóm GV có kinh nghiệm từ 3 - 10 năm chiếm số lượng lớn nhất (56%). Phần lớn (82,4%) GV có trình độ đại học, 8,8% có trình độ sau đại học, 5,9% trình độ cao đẳng và 2,9% có trình độ trung cấp. Trên 70% GV thuộc chuyên ngành đào tạo là giáo dục đặc biệt, còn lại là giáo dục tiểu học, tâm lí học, giáo dục mầm non, thể chất,...

2.2. Những phát hiện chính

2.2.1. Thực trạng về kĩ năng tiên học đường của trẻ khuyết tật nhìn chuẩn bị vào lớp 1

Để có thể học tập được chương trình lớp 1, trẻ khuyết tật nhìn cần có những kiến thức, kĩ năng cơ bản, bao gồm: Kĩ năng tiên đọc - tiên viết - tiên tính toán; Kĩ năng giao tiếp và tương tác xã hội; Kĩ năng lao động tự phục vụ; Kĩ năng định hướng di chuyển; Kĩ năng sử dụng đa giác quan; Kĩ năng sử dụng thiết bị hỗ trợ. Các kĩ năng được phân thành 3 mức độ với định khoảng: 1,00 - 1,67: “Không thực hiện được kĩ năng ngay cả khi có hỗ trợ”; 1,67 - 2,34: “Thực hiện đúng kĩ năng khi có sự trợ giúp” và 2,34 - 3,00: “Thực hiện được thành thạo kĩ năng mà không cần trợ giúp”.



Biểu đồ 2: So sánh mức độ thực hiện các nhóm kĩ năng của trẻ khuyết tật nhìn

Dựa vào bảng so sánh mức độ thực hiện 8 nhóm kĩ năng của trẻ khuyết tật (xem Biểu đồ 2) có thể thấy, các nhóm kĩ năng được trẻ thực hiện ở mức độ 2 - mức thực hiện được khi có sự trợ giúp với điểm trung bình từ 1,68 - 2,30. Trong đó kĩ năng tốt nhất là kĩ năng sử dụng thiết bị hỗ trợ với $X_{TB} = 2,30$. Tức là trẻ khuyết tật nhìn đã có thể sử dụng được các thiết bị hỗ trợ như: Các đồ dùng học tập như thanh con cắn, bảng, dùi viết; bảo quản, giữ gìn các đồ dùng học tập, thiết bị hỗ trợ hoặc thông báo cho người lớn khi bị mất, rơi đồ dùng học tập hoặc thiết bị hỗ trợ. Nhóm kĩ năng hạn chế nhất là kĩ năng tiên đọc với $X_{TB} = 1,68$, tức là trẻ đã có thể có các thao tác tiên đọc nhưng còn cần sự hỗ trợ ở các thao tác

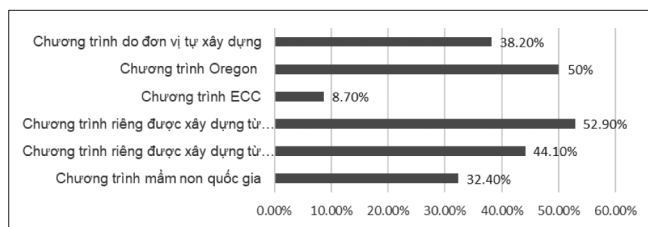
đọc như lật mở sách, tìm, sờ kí hiệu, gọi tên thứ tự các chấm nổi, nhận diện chữ cái in/chữ nổi.

Như vậy, có thể thấy, các kĩ năng tiền học đường của trẻ nhìn kém cho thấy chưa đạt được ở mức độ lập thực hiện hoàn toàn. Điều này sẽ ảnh hưởng đến việc nhận biết thế giới xung quanh, đến khả năng tham gia học tập chính thức khi chuẩn bị vào lớp.

2.2.2. Thực trạng việc thực hiện chương trình tiền học đường cho trẻ khuyết tật nhìn chuẩn bị vào lớp 1

a. Chương trình đang sử dụng để dạy cho trẻ khuyết tật nhìn chuẩn bị vào lớp 1

Qua thống kê về chương trình đang sử dụng để dạy cho khuyết tật nhìn chuẩn bị vào lớp tại các cơ sở giáo dục cho thấy: Các chương trình được sử dụng khá đa dạng và trong 1 cơ sở giáo dục có thể lựa chọn nhiều chương trình khác nhau để triển khai (xem Biểu đồ 3).



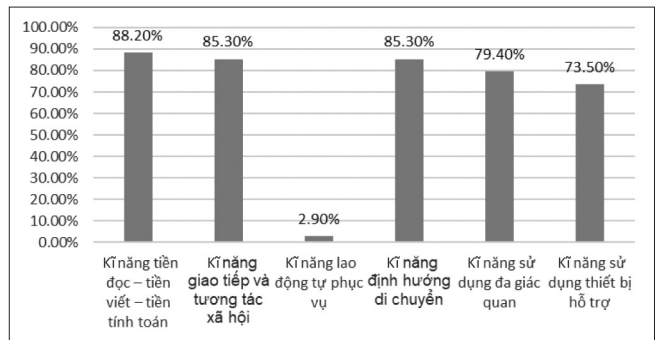
Biểu đồ 3: Chương trình sử dụng để dạy trẻ khuyết tật nhìn chuẩn bị vào lớp 1

Trong đó, chương trình được sử dụng nhiều nhất là chương trình riêng được xây dựng từ chương trình tiêu học và chương trình Oregon dành cho trẻ khiếm thị mầm non, đều trên 50% cơ sở sử dụng. Bên cạnh đó, có đến 13 GV (38,2%) được hỏi đang sử dụng chương trình do cơ sở tự xây dựng. Khi được hỏi về các vấn đề đa dạng trong triển khai chương trình tiền học đường, các GV đều lí giải rằng: 1) Chưa có 1 chương trình cụ thể, hướng dẫn cụ thể về việc thực hiện chương trình cho trẻ khuyết tật nhìn chuẩn bị vào lớp 1, việc sử dụng chương trình mầm non hoặc tiêu học chưa thực sự phù hợp vì có những kĩ năng đặc thù không có trong phạm vi chương trình như kĩ năng tiền đọc, tiền viết chữ nổi, kĩ năng định hướng di chuyển hoặc các kĩ năng phổ biến thì đối với trẻ khuyết tật nhìn cũng không thể thực hiện theo cách thức như với trẻ không khuyết tật nhìn mà cần có phương pháp, hình thức tổ chức đặc thù.

b. Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức chương trình tại các cơ sở giáo dục

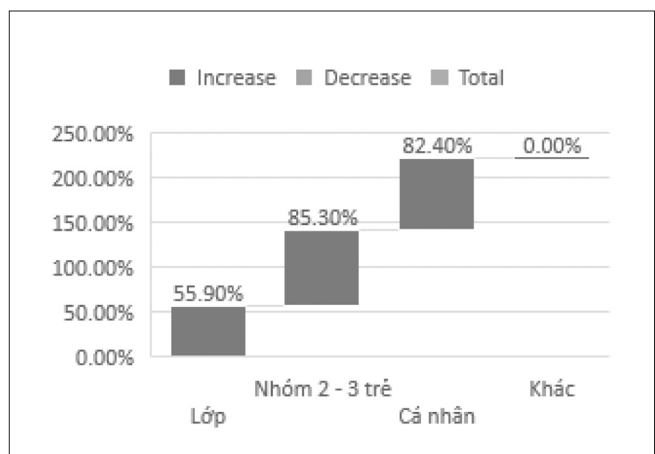
Dựa vào Biểu đồ 4, có thể thấy: Dù sử dụng đa dạng các chương trình khác nhau nhưng về nội dung chương trình giảng dạy có sự tương đồng khá cao ở các cơ sở giáo dục, các nhóm kĩ năng được sử dụng đều đạt trên 70%, đặc biệt các kĩ năng cốt lõi đều được chú trọng: Định hướng di chuyển, tiền đọc - tiền viết - tiền tính toán, tương tác giao tiếp xã hội. Một điểm đặc biệt là

đối với kĩ năng lao động tự phục vụ chỉ có 1/34 GV trả lời là có dạy. Một số GV khi trả lời phỏng vấn về vấn đề này cho biết, thường kĩ năng này trẻ học tại gia đình nhiều hơn là tại trường hay trung tâm nên GV không chú trọng.



Biểu đồ 4: Nội dung chương trình giảng dạy kĩ năng tiền học đường

Cùng với đó, các GV cũng chỉ ra rằng: Họ sử dụng đa dạng các phương pháp/biện pháp dạy học đối với trẻ khuyết tật nhìn khi thực hiện chương trình như: Luyện tập thực hành, hỗ trợ trực quan, khuyến khích khen thưởng, thuyết minh, làm mẫu. Tuy nhiên, có một số phương pháp chưa thực hiện thường xuyên như: Sử dụng âm nhạc, thơ ca, trò chơi, đóng vai trong dạy trẻ khuyết tật nhìn. Cô Đ.T.T. (Trường Nguyễn Đình Chiểu Hà Nội) cho rằng: Để thực hiện các phương pháp này cần rất nhiều thời gian để chuẩn bị, tổ chức và trẻ khuyết tật nhìn nhỏ tuổi thường khó quan sát nên GV thường không sử dụng.



Biểu đồ 5: Hình thức tổ chức triển khai chương trình tiền học đường

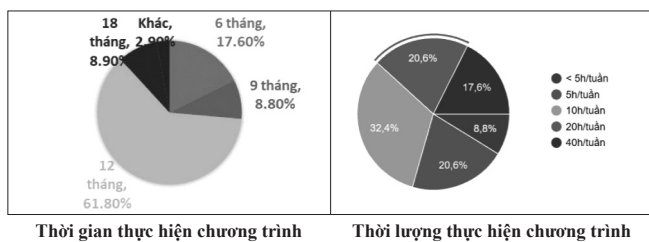
Qua thực tế triển khai cho thấy, trẻ khuyết tật nhìn học các kĩ năng tiền học đường chưa được tổ chức một cách có hệ thống theo quy mô lớp tại các đơn vị. Chỉ 1 nửa số lượng GV (55.9%) được hỏi cho rằng, tại cơ sở giáo dục của mình dạy đang triển khai theo hình thức lớp học nhưng với thời lượng từ 5 - 10 giờ/tuần và thời

gian thực hiện 12 tháng. Tức là các chương trình được thiết kế để trẻ học nửa ngày tại trường mầm non hòa nhập và nửa ngày được đưa đến cơ sở giáo dục để học tại lớp chuẩn bị vào lớp 1 (Ví dụ: Tại Trường Nguyễn Đình Chiểu Hà Nội, Nguyễn Đình Chiểu Thành phố Hồ Chí Minh). Còn lại một số cơ sở khác chủ yếu thực hiện chương trình tiền học đường với hình thức: Can thiệp cá nhân và nhóm (xem Biểu đồ 5).

c. Thời gian thực hiện chương trình tiền học đường

Thực tế hiện nay tại các cơ sở giáo dục khi triển khai thực hiện hỗ trợ tiền học đường khá đa dạng về thời gian thực hiện (xem Biểu đồ 6). Trong đó, phổ biến nhất là các cơ sở thực hiện chương trình trong 12 tháng (61.8%), có 1 GV cho rằng: Tùy vào từng khả năng của học sinh (HS) mà lựa chọn thời gian thực hiện là bao lâu.

Thời lượng thực hiện chương trình trong 1 tuần phổ biến nhất là 10 giờ/tuần (32,5%), khi được hỏi về cách triển khai có đơn vị thực hiện: 2 giờ/ngày vào các buổi chiều khi HS đã học buổi sáng tại trường mầm non hòa nhập. Có một mối tương đồng giữa thời gian kéo dài và thời lượng thực hiện trong tuần: Nếu đơn vị nào lựa chọn thời gian thực hiện dài (12 - 18 tháng) thì thời lượng trong 1 tuần thường từ 5 - 10 giờ. Như vậy, có thể thấy các cơ sở giáo dục khá linh hoạt trong việc lựa chọn thời lượng và phụ thuộc vào điều kiện thực hiện của từng cơ sở.



Biểu đồ 6: Thời gian thực hiện chương trình tiền học đường

d. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo chương trình

100% GV tại cơ sở giáo dục thuộc địa bàn khảo sát xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cho trẻ khuyết tật nhìn theo chương trình tiền học đường mà cơ sở đó xây dựng. Hơn 50% tổng số GV được hỏi, xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ theo cả 3 dạng kế hoạch: Kế hoạch giáo dục theo lớp, kế hoạch giáo dục theo nhóm, kế hoạch giáo dục cá nhân.

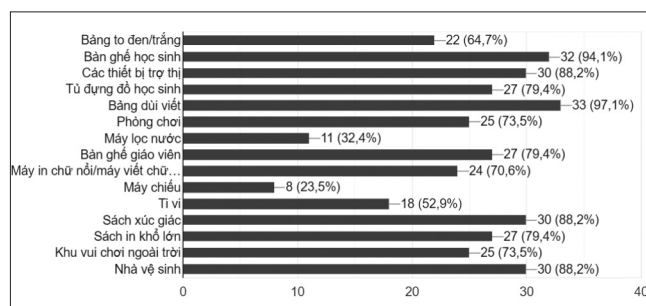
100% các kế hoạch cũng được xây dựng và thực hiện bởi GV phụ trách lớp tiền học đường và GV can thiệp. 23/34 GV được hỏi cho rằng có GV mầm non tham gia vào quá trình xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình. 25/34 GV được hỏi cho biết phụ huynh trẻ khuyết tật nhìn đã tham gia vào quá trình xây dựng và kế hoạch

giáo dục. Điều này cho thấy vai trò của phụ huynh ngày càng được nâng cao và nhận thức của phụ huynh về vai trò của họ trong giáo dục trẻ khuyết tật nhìn ngày càng được cải thiện. 18/34 GV được hỏi cho biết có cán bộ quản lý tham gia vào công việc này. Tuy nhiên, khi thực hiện các cuộc phỏng vấn sâu, chúng tôi được biết, GV mong muốn phụ huynh cần tích cực hơn vào quá trình như đề xuất mục tiêu và xem xét các điều kiện của gia đình khi xây dựng mục tiêu hơn là thể hiện mong muốn vượt hơn khả năng của trẻ cũng như điều kiện gia đình. Cũng có GV đề nghị cán bộ quản lý cần có tính định hướng hơn trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mà không chỉ vấn đề phê duyệt kế hoạch.

e. Đánh giá kết quả giáo dục theo chương trình

100% GV được hỏi đều cho rằng: Họ đánh giá kết quả giáo dục của trẻ dựa trên kế hoạch giáo dục cá nhân. Có 88,2% GV đánh giá kết quả giáo dục theo đánh giá chung của lớp/nhóm và 61.8% đánh giá dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình mà cơ sở giáo dục lựa chọn. Việc đánh giá cũng được thực hiện theo các hình thức khác nhau bao gồm: Nhận xét, cho điểm, khen thưởng, trong đó 94,1% GV sử dụng hình thức nhận xét trong đánh giá kết quả giáo dục theo chương trình tiền học đường của HS. GV cho rằng, việc đánh giá bằng nhận xét sẽ mô tả được kết quả cũng như cách thức mà trẻ đạt được để từ đó có phương pháp giảng dạy phù hợp với trẻ. Bên cạnh đó, việc khen thưởng có 29/34 GV lựa chọn, họ nhận thấy, việc khen thưởng theo các cách khác nhau sẽ giúp tạo hứng thú học tập cho trẻ đặc biệt là trẻ ở lứa tuổi mầm non.

f. Cơ sở vật chất, đồ dùng triển khai chương trình tiền học đường



Biểu đồ 7: Cơ sở vật chất, đồ dùng triển khai chương trình tiền học đường

Dựa trên Biểu đồ 7 có thể thấy, các cơ sở giáo dục có khá đầy đủ về cơ sở vật chất và đồ dùng cơ bản dành cho trẻ khuyết tật nhìn như: Bàn, bàn ghế, bảng dùng viết, các thiết bị trợ thị... Tuy nhiên, khi tìm hiểu sâu chúng tôi được biết, có các đồ dùng nhưng không đáp ứng được về chất lượng trong tiếp cận với trẻ như: Nhà vệ sinh không có các biển chỉ dẫn dành cho trẻ khuyết tật nhìn, sách xúc giác có nhưng không phù hợp với

trẻ và số lượng rất hạn chế vì GV nói cần làm thủ công và mất rất nhiều thời gian, sách khổ lớn là sách photo truyện đọc dành cho trẻ sáng ở lứa tuổi mầm non để có cỡ chữ phù hợp với trẻ. Bên cạnh đó, các đồ dùng công nghệ giúp trẻ tiếp cận thông tin nhanh hơn, rõ hơn và có thể điều chỉnh độ lớn, độ tương phản là tivi và máy chiếu thì khá hạn chế, chỉ từ 30 - 50% GV cho biết là cơ sở giáo dục nơi họ đang công tác là có các thiết bị này.

Diện tích phòng học cho tổ chức chương trình tiên học đường tại mỗi cơ sở giáo dục cũng khá đa dạng. Từ 10 - 20 m²/phòng học. Trong đó, loại diện tích phổ biến là từ 15 - 20m². Có cơ sở giáo dục có diện tích lớn từ 20 m² trở lên. Song cũng có những cơ sở diện tích khá nhỏ chỉ từ 10 - 15m². Diện tích đa dạng tại các cơ sở cũng dựa trên: 1) Điều kiện cơ sở vật chất của từng đơn vị; 2) Phụ thuộc vào sĩ số và cách thức triển khai chương trình tiên học đường là nhóm lớp nhỏ (5 - 8 HS) hoặc lớp từ 10 - 12 HS.

g. Những thuận lợi và khó khăn của cơ sở giáo dục khi phát triển chương trình tiên học đường

Cán bộ quản lý và GV cho rằng, bên cạnh những thuận lợi như: GV có trình độ, kinh nghiệm và quan tâm đến trẻ khuyết tật nhìn; nhận thức của phụ huynh ngày càng được nâng cao thì họ phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, cụ thể: 1/ Chưa có chương trình tiên học đường dành riêng cho trẻ khuyết tật nói chung và trẻ khuyết tật nhìn nói riêng, GV phải dựa trên các chương trình cơ sở có để xây dựng dựa trên kinh nghiệm; 2/ Cơ sở giáo dục thiếu các đồ dùng thiết bị để dạy học hiệu quả cho trẻ khuyết tật nhìn, các đồ dùng hiện có không đảm bảo chất lượng, không gian phòng học, khu vực chơi hạn chế trong tiếp cận với trẻ khuyết tật nhìn; 3/ Việc phối hợp với trường mầm non, trường tiểu học rất khó khăn vì không có hướng dẫn cụ thể, tùy thuộc và từng trường và cách thức quản lý mà có thể phối hợp hiệu quả hoặc chưa hiệu quả; 4/ Phụ huynh nhận thức được vai trò của bản thân trong việc giáo dục con nhưng do điều kiện không có nhiều thời gian, trình độ hạn chế nên khó khăn trong việc hỗ trợ con tại nhà và phối hợp với nhà trường còn chưa được chặt chẽ.

Bên cạnh đó, GV cũng nhận ra những điểm khó khăn của trẻ khuyết tật nhìn khi sang môi trường tiểu học và cần có những điều chỉnh ở môi trường tiểu học (xem Biểu đồ 8).

Chưa nhận được sự hỗ trợ của nhân viên hỗ trợ do nhà trường không có nhân viên hỗ trợ

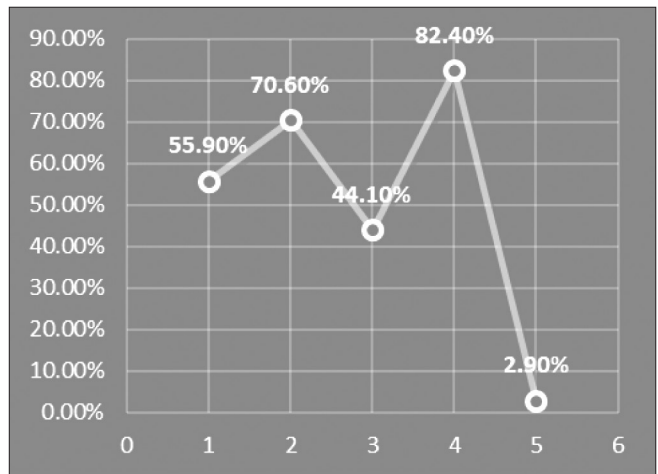
Ít nhận được những điều chỉnh phù hợp do cán bộ, GV ở trường tiểu học hạn chế chuyên môn về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật nhìn.

HS cùng lớp xa lánh.

Thay đổi môi trường nên có thể HS sẽ tự ti, ngại một chỗ, ngại giao tiếp.

Phụ huynh của HS không khuyết tật nhìn không muốn

con mình học chung hoặc dành thời gian để hỗ trợ bạn khuyết tật nhìn.



Biểu đồ 8: Những khó khăn của trẻ khuyết tật nhìn khi chuyển môi trường tiểu học

Điều GV quan tâm nhất khi trẻ khuyết tật nhìn chuyển sang môi trường tiểu học đó là: Khi thay đổi môi trường trẻ khuyết tật có thể sẽ tự tin, ngồi một chỗ, ngại giao tiếp dù ở môi trường mầm non quen thuộc trẻ có thể tự tin và đã được chuẩn bị tâm thế về những thay đổi khi chuyển sang môi trường mới. Bên cạnh đó, việc GV hòa nhập ở trường tiểu học chưa có kỹ năng chuyên môn tốt trong việc dạy trẻ khiếm thị cũng có thể là rào cản với trẻ khuyết tật nhìn trong môi trường tiểu học. Do đó, song song với việc phát triển chương trình tiên học đường, điều quan trọng là trường tiểu học cũng phải có sự chuẩn bị tốt về điều kiện môi trường tâm lý và cơ học để tiếp nhận HS khuyết tật nhìn học tập.

3. Kết luận và khuyến nghị

Kết quả khảo sát có thể nhận định, việc phát triển chương trình tiên học đường cho trẻ khuyết tật nhìn chuẩn bị vào lớp 1 là rất quan trọng, nó có thể ảnh hưởng đến khả năng học hòa nhập và các lĩnh vực phát triển ở trẻ. GV tham gia khảo sát về chương trình tiên học đường đều có trình độ chuyên môn cao, có kiến thức và kỹ năng trong giáo dục trẻ khuyết tật.

Qua đánh giá kết quả kỹ năng tiên học đường của trẻ khuyết tật nhìn cho thấy, 100% trẻ bước đầu đã hình thành kỹ năng nhưng khi thực hiện luôn cần sự hỗ trợ từ GV, chưa thực hiện được một cách độc lập. Những nguyên nhân của vấn đề này có thể xuất phát từ các yếu tố khác quan bao gồm: Chưa có chương trình tiên học đường. Các cơ sở giáo dục đều đang phát triển chương trình dựa trên chương trình phổ thông, chương trình mầm non, chương trình học tập từ một số quốc gia hoặc tự xây dựng; điều kiện cơ sở vật chất hạn chế. Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch, thời lượng còn tùy thuộc từng đơn vị, chưa có hướng dẫn cụ thể. Những

ảnh hưởng này cũng làm cho các GV khi được hỏi cảm thấy lo lắng khi trẻ chuyển sang môi trường học tập hòa nhập ở trường tiểu học.

Qua nghiên cứu thực tiễn với những khó khăn phải đối mặt tại các cơ sở giáo dục cũng như việc phát triển tự phát chương trình tiên học đường từ các chương trình hiện có hoặc kinh nghiệm từ các nước, cần xem xét các khuyến nghị như sau: 1/ Phát triển chương trình tiên

học đường dành cho trẻ khuyết tật nhìn với nội dung, phân phối chương trình và hướng dẫn thực hiện cụ thể; 2/ Xây dựng chuẩn cơ sở vật chất nhằm đảm bảo hỗ trợ trẻ tiếp cận môi trường tiểu học phù hợp nhất; 3/ Phối hợp với trường tiểu học, trường mầm non hòa nhập để việc thực hiện chương trình tiên học đường được triển khai đồng nhất và có liên kết chặt chẽ.

Tài liệu tham khảo

[1] Quốc hội, (2016), *Luật Trẻ em*.
 [1] Báo cáo Điều tra người khuyết tật, (2018), NXB Tổng cục Thống kê.
 [2] Nguyễn Văn Hường, (1986), *Tìm hiểu hình thức giáo dục hòa nhập cho trẻ em mù và nhìn kém*, Thông tin Khoa học Giáo dục , tr.74 - 76.
 [3] Nguyễn Văn Hường, (2008), *Những hiểu biết cần có ở giáo viên phổ thông để giảm bớt khó khăn cho học sinh nhìn kém*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, tr.41- 43.
 [4] Nguyễn Đức Minh, (2008), *Giáo dục trẻ khiếm thị*, NXB Giáo dục.
 [5] Nghị định 28/2012/NĐ-CP *Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật*.
 [6] Quốc hội, (2010), *Luật Người khuyết tật Việt Nam*.

THE SITUATIONS OF DEVELOPING PRESCHOOL CURRICULUM FOR CHILDREN WITH VISUAL IMPAIRMENTS

**Tran Thi Vang¹, Pham Minh Muc²,
 Trinh Thi Thu Thanh³, Nguyen Thi Hang⁴**

¹ Email: vangtt@vnies.edu.vn
² Email: mucpm@vnies.edu.vn
³ Email: thanhttt@vnies.edu.vn
⁴ Email: hangnt@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
 52 Lieu Giai, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *The article focuses on investigating the situation of developing preschool curriculum for children with visual impairments before entering grade 1 at some inclusive and special schools in some provinces and cities. The main results include: 1) Preschool skills of children with visual impairments currently include a number of skill groups such as prereading - prewriting - precalculation skills; Communication and social interaction skills; Self-help skills; Orientation and mobility skills; Multisensory skills; Skills in using assistive devices; 2) The current situation of preschool curriculum development with issues: the bases for curriculum development, curriculum content, implementation, evaluation and influencing factors. The above issues are surveyed through the use of preschool skills assessment forms for children and questionnaires for teachers. The assessment shows that the preschool curriculum has been implemented in inclusive and special schools but lacks a general orientation. The schools are developing spontaneously based on the preschool curriculum or the primary curriculum, therefore, it is necessary to improve a framework for preschool curriculum so that teachers can orient the development of school curriculum as well as develop appropriate individual education plans for children with visual impairments to enter class 1 effectively.*

KEYWORDS: *Preschool curriculum, visual impairments, children with visual impairments, situations of developing preschool curriculum.*